TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2025/DS-PT
Ngày: 17 - 4 - 2025
V/v tranh chấp "Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.
Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**
Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*:** Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 291/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 590/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phan Văn T**, sinh năm 1961. Có mặt

Địa chỉ: ấp 1, xã An Hữu, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Phan Văn T1**, sinh năm 1969. Có mặt

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Luật sư **Trần Thanh H** - Đoàn luật sư tỉnh T. Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Phan Văn N**, sinh năm 1952. Vắng mặt

3.2. **Phan Thị Q**, sinh năm 1956. Vắng mặt

3.3. **Mai Trúc P**, sinh năm 1988. Vắng mặt

3.4. **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1970. Vắng mặt

3.5. **Phan Thanh T2**, sinh năm 1994. Vắng mặt

3.6. **Phan Văn N1**, sinh năm 1995. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.8. **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.9. **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 2000. Vắng mặt

3.10. **Phan Thị N2**, sinh năm 1966. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.11. **Ủy ban nhân dân xã A.** Vắng mặt

- *Đại diện theo pháp luật*: Ông **Nguyễn Hoàng V** – Chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3.12. **Ủy ban nhân dân huyện C.** Vắng mặt

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn N3** – Chức vụ: Chủ tịch

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Phan Văn T.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn Phan Văn T trình bày:*

Thửa đất số 934, tờ bản đồ số ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cha mẹ ông là ông Phan Văn N4, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1928 (đã chết) lúc sinh thời ông bà có 07 người con cụ thể như sau: Phan Văn N, Phan Thị Q, Phan Văn T, Phan Thị C, Phan Thị T3, Phan Thị N2, Phan Văn T1 quá trình sử dụng đất vào năm 1974 cha ông là ông Phan Văn N4 chết và mẹ ông là bà Nguyễn Thị G tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 934 nêu trên. Đến năm 2006 bà Nguyễn Thị G đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00897 ngày 13/7/2006 đối với thửa đất số 934, tờ bản đồ số ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do vào năm 2010 mẹ ông đã 82 tuổi, già yếu lẫn lộn, lợi dụng mẹ ông không biết chữ, vào ngày 26/4/2010 ông Phan Văn T1 hướng dẫn mẹ ông lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 934 tờ bản đồ số ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trên thửa đất 934 có căn nhà kiên cố thuộc sở hữu của cha mẹ ông chết để lại. Hợp đồng tặng cho vào ngày 26/4/2010 được lập giữa bên tặng cho là bà Nguyễn Thị G; Huỳnh Thị Đ; Phan Thanh T2; Phan Văn N1 bên được tặng cho Phan Văn T1; Hợp đồng tặng cho nêu trên trái với quy định của pháp luật với lý do: Thửa đất 934 và căn nhà kiên cố trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông Phan Văn N4 và bà Nguyễn Thị G. Bà G chỉ có quyền định đoạt đối với ½ tài sản chung của vợ chồng và ½

tài sản chung còn lại là di sản ông Phan Văn N4 để lại việc tặng cho nhà đất, phải có sự đồng ý của các thừa kế. Do đó ông yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 giữa bà Nguyễn Thị G với Phan Văn T1 lý do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên, vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005 do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Nay nguyên đơn ông Phan Văn T đề nghị hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 giữa hộ bà Nguyễn Thị G với Phan Văn T1 do vô hiệu về hình thức lẫn nội dung. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00182 ngày 17/5/2010 đã cấp cho Phan Văn T1, đối với thửa đất số 934, tờ bản đồ ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 vô hiệu. Chia cho ông kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phan Văn N4 và bà Nguyễn Thị G cụ thể: Chia cho ông 1 diện tích 10.258m^2 thửa đất số 934, tờ bản đồ ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang một kỷ phần thừa kế theo pháp luật mà ông được thừa hưởng là 1.465,42m^2.

** Bị đơn Phan Văn T1 trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý vì bị đơn cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 của bà G và bị đơn được thực hiện khi bà G có tinh thần minh mẫn và được công chứng theo đúng quy định nên bị đơn không đồng ý chia thừa kế như yêu cầu của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ; Phan Thanh T2; Phan Văn N1 trình bày:* Thống nhất với ý kiến, lời trình bày của ông Phan Văn T1. Không đồng ý đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn N; Nguyễn Thị Kiều O; Mai Trúc P; Nguyễn Hoàng M; Phan Thị N2 trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

** Theo Công văn số 185/UBND-TP ngày 13/5/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A trình bày:*

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân xã A chứng thực ngày 26/4/2010 số chứng thực 50, quyển số 01-TP/CC-SCT/HĐGD, người thực hiện chứng thực là ông Nguyễn Hùng N5, chức vụ: phó chủ tịch là đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân xã A không có yêu cầu độc lập cũng như từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa trên cơ sở tôn trọng Hiến pháp và pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Q và Ủy ban nhân dân huyện C:* Không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 291/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các Điều 26,

35, 227, 228, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 401, 457, 459 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 giữa hộ bà Nguyễn Thị G với Phan Văn T1 do vô hiệu về hình thức lẫn nội dung; yêu cầu kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00182 ngày 17/5/2010 đã cấp cho Phan Văn T1, đối với thửa đất số 934, tờ bản đồ ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 vô hiệu và yêu cầu chia cho ông Phan Văn T kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phan Văn N4 và bà Nguyễn Thị G cụ thể: Chia cho ông 1 diện tích 10.258m^2 thửa đất số 934, tờ bản đồ ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là kỷ phần thừa kế theo pháp luật mà ông được thừa hưởng là 1.465,42m^2.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo qui định của pháp luật.

- Ngày 10 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Phan Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phan Văn T1 trình bày tranh luận và đề nghị: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ cụ G với ông T1 đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật, di sản của cụ G đã được tặng cho hiện không còn. Án sơ thẩm đã xử đúng quy định, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: ông T cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ G với ông T1 vô hiệu nhưng ông không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Phan Văn N; Phan Thị Q; Mai Trúc P; Huỳnh Thị Đ; Phan Thanh T2; Phan Văn N1; Nguyễn Hoàng M; Nguyễn Thị Kiều O; Phan Thị N2, Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn ông Phan Văn T khởi kiện bị đơn ông Phan Văn T1 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia thừa kế, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đúng theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn T1 đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 10 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Phan Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn T:

Nguồn gốc thửa đất số 934, tờ bản đồ số ATTC5, diện tích 12.260m^2 đất tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang các bên đương sự trình bày thống nhất là của ông bà nội cho cha mẹ nguyên đơn, bị đơn là cụ Phan Văn N4, Nguyễn Thị G, năm 1974 cụ N4 mất, cụ G kê khai đăng ký tại sổ mục kê 299, đến năm 2005 cụ G được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị G vào ngày 28/12/2005. Đến năm 2006 thì hộ cụ Nguyễn Thị G làm hợp đồng tặng cho con ruột là nguyên đơn ông Phan Văn T với diện tích đất là 2.002m^2 và ông T đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 2704, tờ bản đồ số ATTC5, diện tích 2.002m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 13/7/2006, diện tích còn lại 10.258m^2. Đến năm 2010 hộ bà Nguyễn Thị G tiếp tục làm hợp đồng tặng cho toàn bộ thửa đất số 934 với diện tích còn lại 10.258m^2 cho bị đơn ông Phan Văn T1. Ông T1 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 934, tờ bản đồ số ATTC5, diện tích 10.258m^2 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/5/2010. Trong diện tích 10.258,0m^2 thì ông T1 cùng với bà Phan Thị N2 trình bày thống nhất là cụ G có chia cho ba người con gái 3.000m^2 và ông T1 đã chia bằng tiền nên nhận hết phần diện tích đất 10.258,0m^2. Ông Phan Văn N trình bày thống nhất (bút lục 87) trước đây cụ G đã chia đất cho các con xong, trong đó bản thân ông được chia khoảng 5.000m^2 và các bên đã thực hiện xong.

Phần chia cho ông T 2.002m^2, ông T1 10.258,0m^2 các ông đều đã nhận đất sử dụng sau đó đã được đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có tranh chấp gì. Khi ông T khởi kiện ông T1 vào năm 2020 yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T với ông T1, tại bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ngày 13/01/2021 xử

hủy bản án dân sự sơ thẩm số 198 ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, sau đó ông T rút đơn, Tòa án đình chỉ thì ông T cũng đã xác nhận ông T1 được bà G cho và đứng tên quyền sử dụng 10.258,0m^2, ông không tranh chấp chỉ yêu cầu ông T1 thực hiện việc tặng cho quyền sử dụng diện tích 390m^2 theo giấy tay giữa ông T1 với ông T.

Với các chứng cứ trên, đủ cơ sở xác định nhà đất của cụ N4, cụ G đã được cụ G và các thừa kế của cụ N4 thống nhất phân chia tài sản chung xong từ năm 2010. Việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai; thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ thừa kế nào, không ai tranh chấp nên có cơ sở xác định nhà, đất không còn là di sản thừa kế của cụ N4, cụ G nữa mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của các cá nhân. Phù hợp với Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N4 và cụ G không có cơ sở chấp nhận.

Xét về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất xác lập giữa cụ Nguyễn Thị G và các thành viên hộ của cụ gồm bà Huỳnh Thị Đ; Phan Thanh T2; Phan Văn N1 với ông Phan Văn T4 ngày 26/4/2010 được lập thành văn bản và được Ủy ban nhân dân xã A công chứng chứng thực là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của hợp đồng thể hiện ý chí tự nguyện xác lập giữa các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, tại thời điểm xác lập hợp đồng hai bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật. Đồng thời nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 giữa hộ cụ Nguyễn Thị G với ông Phan Văn T1 vô hiệu về hình thức lẫn nội dung vì nguyên đơn cho rằng cụ Nguyễn Thị G tại thời điểm thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bị đơn ông T1 là già yếu và không được minh mẫn là không phù hợp vì ông T cũng không cung cấp được bất cứ các tài liệu chứng cứ chứng minh được tại thời điểm xác lập hợp đồng tặng cho giữa các bên cụ G không còn minh mẫn và không đủ năng lực hành vi dân sự. Mặt khác, tại lời chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã A xác định tại thời điểm xác lập hợp đồng hai bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật và đồng thời Ủy ban nhân dân xã A có văn bản phúc đáp với Tòa án nhân dân huyện C theo Công văn số 168 ngày 13/5/2024 thể hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân xã A chứng thực ngày 26/4/2010 số chứng thực 50, quyển số 01-TP/CC-SCT/HĐGD, người thực hiện chứng thực là ông Nguyễn Hùng N5, chức vụ: Phó chủ tịch là đúng quy định pháp luật. Do đó, về trình tự và thủ tục của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân xã A chứng thực ngày 26/4/2010 số chứng thực 50, quyển số 01-TP/CC-SCT/HĐGD được xác lập giữa hộ cụ Nguyễn Thị G và ông Phan Văn T1 là đúng theo quy định của

pháp luật tại Điều 459 của Bộ luật Dân sự nên xét đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 giữa hộ cụ Nguyễn Thị G với ông Phan Văn T1 do vô hiệu về hình thức lẫn nội dung là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo qui định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Phan Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của nguyên đơn ông Phan Văn T

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: ông Phan Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 291/2024/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 401, 457, 459 của Bộ luật dân sự; Điều 167 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 giữa hộ cụ Nguyễn Thị G với ông Phan Văn T1 do vô hiệu về hình thức lẫn nội dung; yêu cầu kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00182 ngày 17/5/2010 đã cấp cho Phan Văn T1, đối với thửa đất số 934, tờ bản đồ ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/4/2010 vô hiệu và yêu cầu chia cho ông Phan Văn T kỷ phần thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phan Văn N4 và cụ Nguyễn Thị G cụ thể: Chia cho ông T 1/7 diện tích 10.258m^2 thửa đất số 934, tờ bản đồ ATT.C5, diện tích 10.258m^2 tọa lạc tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là kỷ phần thừa kế theo pháp luật mà ông được thừa hưởng là 1.465,42m^2.

2. Về án phí:

- Ông Phan Văn T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn theo quy định nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm khi không được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án. Án tuyên vào lúc 14 giờ 30 ngày 17/4/2025 có mặt ông T, T1, Luật sư, đại diện Viện kiểm sát.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. C;
- CCTHADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền